TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 90 /2020/HS-PT
Ngày: 23-12-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

- THnh phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Cường

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Phúc, ông Lương Thanh Chín

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Mai là Thư ký Toà án của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bình Thuận, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 71/2020/TLPT-HS, ngày 31 tháng 8 năm 2020 đối với các bị cáo Nguyễn Thị Ngọc Ndo có kháng cáo của bị cáo, đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 68/2020/HS-ST ngày 01 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân TP.Phan Thiết.

Bị cáo có kháng cáo: **Nguyễn Thị Ngọc N-** Sinh năm 1998 tại Bình Thuận; HKTT và chỗ ở: Khu phố M, phường Đ, tHnh phố P, tỉnh Bình Thuận; Dân tộc: Kinh, Quốc tịch: Việt Nam, Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 7/12; Nghề nghiệp: không; Cha: Nguyễn Văn H, sinh năm 1971 (đã chết), Mẹ: Võ Thị C, sinh năm 1971; Con: Nguyễn Đình Q, sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 25/11/2019 đến ngày 23/12/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh, vắng mặt.

Bị hại:

1/ Ông Nguyễn Minh A, sinh năm 1995

Trú tại: khu phố X, phường H, TP. P, tỉnh Bình Thuận.

2/ Ông Nguyễn Gia Đ, sinh năm 1996

Trú tại: Khu phố Y, phường L, TP. P, tỉnh Bình Thuận.

3/ Ông Nguyễn Tấn P, sinh năm 1989

Trú tại: Khu phố 03, phường T, TP. P, tỉnh Bình Thuận.

4/ Ông Nguyễn Huỳnh Đức T, sinh năm 1991

Trú tại: Khu phố M, phường T, TP. P, tỉnh Bình Thuận

***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1/ Ông Hoàng Ngọc T, sinh năm 1985

Trú tại: 46 đường A, khu phố 11, phường T, TP. P, tỉnh Bình Thuận.

2/ Ông Nguyễn Đình V, sinh năm 1983 (Hiện đang chấp Hnh án tại trại giam Huy Khiêm - có đơn xin vắng mặt)

Trú tại: Khu phố 1, phường B, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

3/ Ông Lâm Quốc D, sinh năm 1969

Trú tại: Khu phố 02 , phường P, TP. P, tỉnh Bình Thuận.

4/ Ông Nguyễn H Q, sinh năm 1987

Trú tại: Khu phố 01, phường B, TP. P, tỉnh Bình Thuận.

5/ Ông Lưu Anh T, sinh năm 1988

Trú tại: Khu phố 7, phường L, TP.P, tỉnh Bình Thuận.

Trong vụ án này còn có 01 bị cáo khác không kháng cáo, không bị kháng cáo, không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có tiền tiêu xài và mua ma túy để sử dụng nên Bùi Quang P nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của người khác bằng thủ đoạn mượn xe mô tô cho P hoặc Nguyễn Thị Ngọc N(sống chung như vợ chồng với P) với lí do đi công việc. Sau khi mượn được xe mô tô của các bị hại thì P trực tiếp đi hoặc giao cho N để liên hệ với các đối tượng Hoàng Ngọc T (sinh năm 1985, Trú tại: khu phố 11, phường Phú Trinh, tHnh phố Phan Thiết) và một số đối tượng khác chưa xác định được nhân thân đi cầm thế hoặc bán cho người khác để lấy tiền tiêu xài. Sau đó bỏ trốn để lánh mặt các bị hại, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Do quen biết với anh Nguyễn Minh A (sinh năm 1995, trú tại: Khu phố 5, phường Phú Hi, tHnh phố Phan Thiết) từ trước và biết được anh H thường sử dụng xe mô tô nhãn hiệu Honda WINNER biển số 86C1-608.89, nên Bùi Quang P nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô của anh H lấy tiền tiêu xài. Vào tối ngày 11/4/2019, P gọi điện thoại cho anh H đến nH P (tại khu phố 7, phường Lạc Đạo) để chơi thì anh H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu HONDA WINNER biển

số 86C1-608.89 đến nH P chơi được một lúc thì P nói dối với anh H cho P mượn xe của H để đi công việc. Anh H đồng ý và giao xe cho P (trong cốp xe có Giấy đăng ký xe và Chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Minh A và P biết điều này). Khi có được xe, P gọi điện thoại cho Hoàng Ngọc T nhờ đi cầm thế thì T đồng ý và hẹn gặp nhau tại quán cà phê Tiếng Xưa (nằm trên đường Trần Hưng Đạo). P điều khiển xe mô tô đến gặp T và đưa giấy tờ xe cho T xem. T hỏi xe của ai thì P nói: xe của đứa em nhờ cầm thế, ngày mai chuộc lại. Sau đó T cùng P chạy xe mô tô đến cầm thế cho Nguyễn Ngọc Tr (tên gọi khác Út Đĩ; sinh năm 1989; trú tại: Khu phố 7, phường Phú Thủy, tHnh phố Phan Thiết) với giá 7.000.000 đồng và hẹn vào ngày 12/4/2019 sẽ chuộc lại xe. Do thấy T là chỗ quen biết nên Tr tin tưởng đồng ý cầm thế mà không kiểm tra giấy tờ xe (Tr đưa cho T 6.300.000 đồng, vì đã lấy trước tiền lãi 700.000 đồng); cầm thế được xe mô tô, P cho T 100.000 đồng. Khi có được tiền, P mua ma túy về nH cùng với H và N sử dụng. Do khi P về nH anh H đang nằm chơi game trong phòng nên không biết P đi xe hay đi bộ về. Khoảng 23 giờ cùng ngày, sau khi sử dụng ma túy xong, anh H ra lấy xe mô tô đi về thì không thấy xe. Lúc này P nói là bạn P mượn đi chưa trả. Anh H đòi lại xe và ngủ lại tại nH P để chờ P trả lại xe mô tô. Đến sáng ngày 12/4/2019 anh H thức dậy vẫn chưa thấy P trả xe mô tô nên tiếp tục đòi P trả xe thì khoảng 09 giờ sáng cùng ngày P nói để P đi tìm bạn lấy xe về cho anh H và anh H ở nH P đợi P về.

Khoảng 10 giờ ngày 12/4/2019, P gọi điện thoại cho T để T nói Tr mang xe mô tô của anh H đến Tiệm cầm đồ 08 (đường Nguyễn Văn Cừ, phường Đức Nghĩa, do bà Thái Đức Liên Chi làm chủ) để chuộc lại xe. Khi Tr chạy xe đến thì P không chuộc lại xe mà đưa xe vào tiệm cầm đồ 08 với mục đích tiếp tục cầm thế xe lấy thêm tiền rồi sẽ trả lại cho Tr 6.300.000 đồng nhưng do xe không chính chủ nên không cầm thế được. T gọi điện thoại cho Nguyễn Đình V (sinh năm 1983, HKTT: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã LaGi (tạm trú tại Khu phố D, phường Thanh H, tHnh phố Phan Thiết) để cầm thế xe thì Vu đồng ý và hẹn gặp nhau tại Chùa Đ Ma (phường Phú Thủy) để xem xe. Tại đây T gọi cho Tr tiếp tục chạy xe mô tô biển số 86C1-608.89 của anh H đến. Sau khi xem xe Vu đồng ý cầm thế xe với giá 15.000.000 đồng, do thấy T là chỗ quen biết nên Vu tin tưởng đồng ý cầm thế mà không kiểm tra giấy tờ xe. P lấy xe từ Tr cầm thế cho Vu (Vu chỉ đưa cho P 13.500.000 đồng, vì đã lấy trước tiền lãi 1.500.000 đồng). P trả cho Tr 6.300.000 đồng đã cầm thế xe trước đó và cho T 100.000 đồng.

Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 12/4/2019, P đi về nói bạn P vẫn chưa trả xe nên anh H vẫn ở lại tại nH P mục đích để lấy lại xe. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày anh H tiếp tục đòi xe thì P vẫn nói bạn mượn chưa trả, anh H nghi ngờ xe mô tô của mình P đã đem đi cầm thế nên gặng hỏi thì P thừa nhận cầm thế với giá 6.000.000 đồng, anh H hỏi nơi cầm thế ở đâu thì P không chỉ. Anh H tiếp tục ở lại

nH P đến sáng ngày 13/4/2019 để lấy lại xe, lúc này P nói mới có được 3.000.000 đồng không đủ tiền chuộc xe nên anh H đồng ý bỏ ra số tiền 3.000.000 đồng để khi nào P chuộc được xe thì liên hệ anh H tới lấy xe về. Khi lấy được tiền và điện thoại của anh H, P bỏ trốn khỏi địa phương, nên ngày 17/4/2019 anh H đến Công an phường Lạc Đạo tố cáo Hnh vi chiếm đoạt tài sản của P.

Nguyễn Đình V khi nhận cầm thế được xe mô tô hiệu WINNER biển số 86C1-608.89, Vu sử dụng xe mô tô trên để mua bán trái phép chất ma túy và bị Công an tHnh phố Phan Thiết bắt và thu giữ xe mô tô nói trên. (Hnh vi mua bán trái phép chất ma túy của Vu được xử lý trong một vụ án khác).

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 137/KL-HĐĐG ngày 12/7/2019, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tHnh phố Phan Thiết kết luận xe mô tô biển số 86C1-608.89 có trị giá 30.100.000 đồng.

Vật chứng của vụ án:

01 xe mô tô nhãn hiệu Honda WINNER biển số 86C1-60889; Số máy: KC26E1044137; Số khung: 2607GY216510 (được thu giữ từ Nguyễn Đình V).

Cơ quan CSĐT – Công an tHnh phố Phan Thiết đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc xe mô tô trên cho anh H. Sau khi nhận lại tài sản anh H không có yêu cầu gì về dân sự.

Nguyễn Đình V yêu cầu Bùi Quang P trả lại số tiền 13.500.000 đồng đã nhận cầm thế xe mô tô.

Như vậy trong lần phạm tội này Bùi Quang P đã chiếm đoạt của bị hại trị giá chiếc xe mô tô và 3.000.000 đồng, tổng trị giá tài sản chiếm đoạt là 33.100.000 đồng.

Lần thứ hai: Do anh Nguyễn Gia Đ (sinh năm 1996; trú tại: Khu phố 2, phường Lạc Đạo, tHnh phố Phan Thiết) là bạn học của Nguyễn Thị Ngọc Nnên Bùi Quang P biết được anh Đ thường sử dụng xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius biển số 86C1- 865.49 nên P nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô lấy tiền tiêu xài. Thực hiện ý định đó, vào khoảng 15 giờ ngày 11/6/2019 P điện thoại cho anh Đ đến nH P (tại khu phố 7, phường Lạc Đạo) để sửa máy vi tính cho P. Khi anh Đ điều khiển xe mô tô biển số 86C1-865.49 đến, P mượn xe của anh Đ nói đi công việc thì anh Đ không cho mượn mà nói về chở vợ đi công việc. P nói anh Đ cho mượn xe mô tô đi công việc nhanh rồi về trả liền thì anh Đ vẫn không cho mượn. Lúc này, P nói nếu vậy cho P mượn xe mô tô của anh Đ để đưa cho N đi mua đồ ăn và qua nH anh Long (anh của P) lấy tiền thì anh Đ đồng ý giao chìa khóa xe cho N (trong cốp xe có cả Giấy đăng ký xe mang tên Nguyễn Gia Đ). Qua việc P cố tình đưa ra thông tin sai lệch để mượn xe mô tô của anh Đ, vì thực tế N không đi

mua đồ ăn và từ khi quen P, N không tiếp xúc với anh Long nên N biết mục đích của P mượn xe mô tô của anh Đ là để đi cầm cố lấy tiền tiêu xài, do trước đây P cũng đã từng mượn xe của anh Nguyễn Minh A với cách thức tương tự như vậy (thời điểm này N sống chung cùng P nên biết được sự việc P mượn xe anh H sau đó mang đi cầm cố lấy tiền tiêu xài). Khi N vừa đi ra ngoài thì P gọi điện cho N mang xe của anh Đ đi cầm thế lấy tiền tiêu xài, do sống chung và thương P nên N đồng ý làm theo lời P nói. Khi N đang đi trên đường tìm tiệm cầm đồ để cầm cố xe thì gặp Vi (không rõ nhân thân) N quen biết ngoài xã hội nên N nhờ Vi dẫn đi đến Tiệm cầm đồ 213 trên đường Thủ Khoa Huân do chị Nguyễn Thị Hồng H (sinh năm 1973; trú tại: khu phố 4, phường Phú Thủy, tHnh phố Phan Thiết) làm chủ; N nói với chị H đây là xe của chồng mình đồng thời lấy đăng ký xe mô tô cho chị H xem và yêu cầu cầm thế lấy 8.000.00 đồng. Do tin tưởng nên chị H đồng ý cầm thế.

Sau khi cầm thế xe môtô xong, N đi taxi về đến đầu hẻm P và gọi điện thoại thông báo cho P đi ra gặp N lấy tiền cầm thế xe mô tô rồi N bỏ đi lánh mặt vì sợ anh Đ đòi lại xe. Sau khi sửa máy tính xong, anh Đ đòi xe để đi về thì P nói N đi công việc chưa về, anh Đ gọi điện thoại cho N thì không liên lạc được. Sau đó P thuyết phục anh Đ đi về, khi nào N về sẽ gọi anh Đ tới lấy xe mô tô. Do sợ anh Đ đòi xe nên đến khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày N mới về lại nH P. Sau đó, anh Đ đã đến nH P nhiều lần để lấy xe, nhưng không có P và N ở nH nên ngày 13/6/2019 anh Đ đã đến Công an phường Lạc Đạo tố cáo Hnh vi chiếm đoạt tài sản của P và N.

Đến ngày 17/6/2019, P tiếp tục nói với N đi đến tiệm mua bán xe mô tô của anh Lâm Quốc D (sinh năm 1969; trú tại: Khu phố 2, phường Phú Trinh, thành phố Phan Thiết) nói với anh D là cần bán xe, nhưng do xe đang cầm thế nên yêu cầu anh D cùng N đi đến Tiệm cầm đồ 213 Thủ Khoa Huân để chuộc xe ra rồi sau đó sẽ bán cho anh D, anh D đồng ý đi đến Tiệm cầm đồ 213 Thủ Khoa Huân kiểm tra thấy đăng ký xe mô tô mang tên Nguyễn Gia Đ. Anh D hỏi N tại sao xe mang tên Đ, N nói Đ là em T của N đang đi biển chưa vào được, nhờ N bán dùm. Vì tin tưởng lời N nói nên anh D đã đồng ý đưa cho N 8.000.000 đồng chuộc xe mô tô hiệu Sirius biển số 86C1- 865.49. Sau khi chuộc được xe, N bán chiếc xe trên cho anh D với giá tiền 13.000.000 đồng thì anh D đồng ý và đưa cho N 11.000.000 đồng (bao gồm 8.000.000 đồng chuộc xe và 3.000.000 đồng đưa thêm), hẹn sau khi N làm thủ tục sang tên sẽ đưa 2.000.000 đồng là đủ số tiền mua xe.

Ngày 18/6/2019, N đến gặp D yêu cầu đưa thêm 1.000.000 đồng thì anh D đồng ý và yêu cầu N làm thủ tục sang tên xe, nhưng N nói với anh D là Đ đi biển chưa vào. Tiếp đến ngày 20/6/2019, N và P đến gặp D yêu cầu đưa thêm 1.000.000

đồng, nhưng D không đồng ý, như vậy tổng số tiền anh D đã đưa N để mua chiếc xe mô tô biển số 86C1- 865.49 là 12.000.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 147/KL-HĐĐG ngày 19/7/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Phan Thiết kết luận xe mô tô biển số 86C1-865.49 có trị giá 11.000.000 đồng.

Vật chứng của vụ án: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Sirius biển số 86C1-865.49; Số máy: 5C64118909; Số khung: C6409Y118909 (thu giữ từ anh Lâm Quốc D)

Cơ quan CSĐT – Công an thành phố Phan Thiết đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc xe mô tô trên cho anh Đ. Sau khi nhận lại tài sản anh Đ không có yêu cầu gì về dân sự.

Anh Lâm Quốc D yêu cầu P và N trả lại số tiền 12.000.000 đồng đã bỏ ra mua chiếc xe mô tô biển số 86C1-865.49**.**

Như vậy trong lần phạm tội này Bùi Quang P và Nguyễn Thị Ngọc N đã chiếm đoạt của bị hại 01 xe mô tô 86C1-865.49 trị giá 11.000.000 đồng.

Lần thứ ba: Do biết anh Nguyễn Tấn P (sinh năm 1989, HKTT: Khu phố 3, phường Phú Tài, tHnh phố Phan Thiết, là bạn của Bùi Quang P) thường sử dụng xe mô tô nhãn hiệu HONDA Air Blade biển số 86C1 – 479.26 nên P nảy sinh ý định chiếm đoạt lấy tiền tiêu xài. Thực hiện ý định đó, nên khoảng 13 giờ ngày 13/6/2019, P gọi điện thoại cho anh Phương đến nH P (tại khu phố 7, phường Lạc Đạo) để trả tiền nợ nên Phương điều khiển xe mô tô hiệu Air Blade biển số 86C1 – 479.26 đến nH P để lấy tiền. Khi đi anh Phương có đem theo 02 chiếc điện thoại bị hư, đến nhờ P sửa và nếu sửa được sẽ cho P một cái xài. P lấy lý do mượn xe của anh Phương cho N đi sửa điện thoại và cầm theo chiếc laptop của P đi cầm thế để lấy tiền trả cho anh Phương thì anh Phương đồng ý cho mượn xe. Với thủ đoạn như cũ nên N biết P mượn xe của anh Phương đi cầm thế lấy tiền tiêu xài.

Sau khi N điều khiển xe mô tô biển số 86C1 – 479.26 đi ra ngoài thì P gọi điện thoại cho Vũ (không rõ nhân thân, P quen biết ngoài xã hội) là bạn của P ở trọ tại hẻm 108, đường Thủ Khoa Huân, thuộc khu phố 2, phường Bình Hưng nhờ Vũ cầm thế xe với giá 5.000.000 đồng thì Vũ đồng ý. P gọi điện thoại cho N nói đưa xe mô tô của anh Phương đi cầm thế, đồng thời hướng dẫn và cho N số điện thoại của Vũ để N đi đến nhờ Vũ cầm thế. Sau khi nghe điện thoại của P xong thì Vũ điện thoại cho Nguyễn H Q (sinh năm 1987, HKTT: Khu phố 1, phường Bình Hưng, tHnh phố Phan Thiết) nói Quân cho P mượn 5.000.000 đồng, P sẽ để lại chiếc xe mô tô biển số 86C1 – 479.26 tại phòng trọ của Vũ để làm tin, khi nào P trả tiền thì Vũ mới đưa xe cho P, do là bạn bè với nhau nên Quân đã tin tưởng Vũ

và P đồng thời đi đến gặp Vũ đưa 5.000.000 đồng cho Vũ (lúc này cũng có mặt N tại đây). N nhận tiền 5.000.000 đồng từ Vũ rồi đi taxxi về lại nH P, với thủ đoạn như cũ khi về gần tới nH thì N liên lạc với P đi ra đầu hẻm lấy tiền rồi N bỏ đi lánh mặt anh Phương.

Sau khi cho P mượn xe và giao cho N đi không thấy về. Anh Phương đã đợi ở nhà P khoảng 04 tiếng đồng hồ vẫn không thấy N về, nghi ngờ P đã mượn xe đưa cho N đi cầm thế nên Phương tiếp tục ở lại đòi thì P nói N đi xe bị công an bắt và yêu cầu Phương đưa giấy tờ để P đi đến nộp phạt lấy xe về. Anh Phương gọi điện thoại cho người nhà đưa giấy tờ đến gặp P thì P yêu cầu anh Phương đưa đăng ký xe mô tô trên cho P để P đi lấy xe về nhưng anh Phương không đưa. Sau đó P chở anh Phương đi lòng vòng quanh địa bàn trên thành phố Phan Thiết nói là để lấy xe cho anh Phương nhưng không thấy. Đến ngày 15/6/2019 anh Phương đến Công an phường Lạc Đạo tố cáo Hnh vi chiếm đoạt tài sản của P và N.

Đến ngày 16/6/2019, thông qua Vũ, P biết Quân là người cầm thế xe nên P điện thoại cho Quân nói do kẹt tiền nên mượn thêm 3.000.000 đồng thì Quân đồng ý, đồng thời Vũ cũng gọi điện thoại nói Quân đến đưa xe mô tô biển số 86C1 – 479.26 về nhà Quân cất giữ. Ngày 17/6/2019, P tiếp tục gọi điện thoại cho Quân mượn thêm 2.000.000 đồng thì Quân đồng ý đưa cho P. Như vậy, tổng số tiền Quân đưa cho P và N để nhận cầm thế xe mô tô nói trên là 10.000.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 146/KL-HĐĐG ngày 19/7/2019, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tHnh phố Phan Thiết kết luận xe mô tô biển số 86C1-479.26 trị giá 28.000.000 đồng.

Vật chứng của vụ án: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Balade biển số 86C1-479.26; Số máy: JF46E5540334; Số khung: 4614EY840317 (thu giữ từ Nguyễn H Q).

Cơ quan CSĐT – Công an thành phố Phan Thiết đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại tài sản trên cho anh Phương. Sau khi nhận lại tài sản anh Phương không có yêu cầu gì về dân sự.

Đối với anh Nguyễn H Q yêu cầu P và N trả lại số tiền 10.000.000 đồng đã nhận cầm thế xe mô tô biển số 86C1-479.26.

Lần thứ tư: Do quen biết với anh Nguyễn Huỳnh Đức T (sinh năm 1991, HKTT: Khu phố 8, phường Phú Trinh, tHnh phố Phan Thiết) nên vào khoảng 15 giờ ngày 02/7/2019, P gọi điện thoại cho Thiện đến nhà nghỉ Hoàng (tại khu phố 13, phường Phú Thủy, thành phố Phan Thiết) để sử dụng ma túy cùng P, N và Bơ (không rõ nhân thân). Khi Thiện điều khiển xe mô tô hiệu JAMOTO biển số 86L2 – 1478 đến, cả bốn người sử dụng ma túy tại đây. Khoảng một tiếng sau khi sử dụng ma túy, P biết Thiện đi xe mô tô đến nên P nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô

tô của Thiện đưa đi cầm thế lấy tiền tiêu xài. P dùng thủ đoạn mượn xe của Thiện cho N và Bơ đi mua cơm thì anh Thiện đồng ý, với thủ đoạn như cũ nên N biết P mượn xe của anh Thiện đi cầm thế lấy tiền tiêu xài.

Sau khi có được xe, Bơ điều khiển xe mô tô biển số 86L2 – 1478 chở N đi đến khu vực đường 19/4 thì lúc này N nói với Bơ đưa xe của Thiện đi cầm thế lấy tiền tiêu xài thì Bơ đồng ý. N nói Bơ điều khiển xe mô tô đến nhà Hoàng Ngọc T nhờ T mang đến cầm thế cho Lưu Anh T (sinh năm:1988, HKTT: Khu phố 7, phường Lạc Đạo, thành phố Phan Thiết). Khi tới nhà T, N nhờ T đi cùng Bơ đưa xe mô tô của anh Thiện đến cầm thế cho Tuấn thì T đồng ý. N ở nH T chờ, còn Bơ và T đi xe mô tô nói trên đến nhà Lưu Anh T, khi tới nơi T nói Tuấn cho Bơ mượn 1.000.000 đồng, Bơ sẽ để lại xe mô tô biển số 86L2 – 1478 để làm tin và T đứng ra bảo lãnh thì Tuấn đồng ý. Khi lấy được tiền, T và Bơ đi taxi về nhà của T hết khoảng 50.000 đồng, N cho T 200.000 đồng, tổng số tiền N cho T và tiền taxi hết khoảng 250.000 đồng. Sau đó N và Bơ sử dụng số tiền 750.000 đồng để mua ma túy, thức ăn và Card điện thoại về nhà nghỉ Hoàng để sử dụng.

Khoảng 21 giờ cùng ngày anh Thiện không thấy N trả chìa khóa xe để đi về, anh Thiện xuống dưới lầu kiểm tra thì không thấy xe mô tô của mình nên anh Thiện nghi ngờ P đã mượn xe môtô của mình cho N đi cầm thế lấy tiền tiêu xài. Anh Thiện hỏi P thì P thừa nhận và hứa chuộc xe cho anh Thiện nên anh Thiện ngủ lại tại đây để chờ P chuộc xe cho mình mới đi về. Đến sáng ngày 03/7/2019 P vẫn chưa chuộc xe cho anh Thiện nên anh Thiện tiếp tục ở lại đây chờ P chuộc xe. Khoảng 12 giờ cùng ngày, P gọi điện thoại cho Võ Thanh Khánh (sinh ngày 03/6/2001, trú tại Khu phố 9, phường Phú Trinh, thành phố Phan Thiết) đến chơi. Khánh đi cùng bạn tên Chớp (không rõ nhân thân) tới nhà nghỉ Hoàng cùng sử dụng ma túy. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày chủ nhà nghỉ đòi tiền phòng nhưng P không có tiền trả nên đã không cho P tiếp tục ở. Lúc này P gọi điện thoại gọi taxi cho anh Thiện, Khánh và Chớp đi đến một nhà nghỉ khác ở khu phố 10, phường Phú Thủy, thành phố Phan Thiết trước còn P, N và Bơ sẽ đi đến sau. Khi anh Thiện, Khánh và Chớp đến địa điểm mới ngồi chờ nhưng không thấy P tới nên đã quay lại nhà nghỉ Hoàng tìm P nhưng P, N và Bơ đã bỏ đi. Đến ngày 08/7/2019 anh Thiện đến Công an phường phú Thủy tố cáo hành vi chiếm đoạt tài sản của P và N.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 169/KL-HĐĐG ngày 16/8/2019, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Phan Thiết kết luận xe mô tô biển số 86L2-1478 trị giá 2.000.000 đồng.

Vật chứng của vụ án: 01 xe mô tô nhãn hiệu JAMOTO biển số 86L2-1478; Số máy: 3*5A1A5819; Số khung: H3PD5A0A5819 (thu giữ từ Lưu Anh T).

Cơ quan CSĐT – Công an thành phố Phan Thiết đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại xe môtô trên cho anh Thiện. Anh Thiện đã nhận lại tài sản anh Thiện không có yêu cầu gì về dân sự.

Đối với Lưu Anh T không yêu cầu trả lại 1.000.000 đồng đã nhận cầm thế xe mô tô biển số 86L2-1478.

Bản án hình sự sơ thẩm số 68/2020/HS-ST ngày 01 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân TP.Phan Thiết đã xử:

* Tuyên bố: Bị cáo Bùi Quang P và bị cáo Nguyễn Thị Ngọc N phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

* Căn cứ vào: Điểm c, d khoản 2 Điều 174, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015.

* Xử phạt: Bị cáo Bùi Quang P 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù , thời gian chấp Hnh hình phạt tính từ ngày 23/11/2019.

* Căn cứ vào: khoản 1 Điều 174, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

* Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Ngọc N 02 (hai) năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi Hnh án nhưng được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 25/11/2019 đến ngày 23/12/2019.

* Biện pháp tư pháp:

- Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ Luật hình sự năm 2015.

Buộc Bùi Quang P và Nguyễn Thị Ngọc N liên đới trả lại số tiền 12.000.000đ (mười hai triệu đồng) cho anh Lâm Quốc D. Buộc Bùi Quang P và Nguyễn Thị Ngọc N liên đới trả lại số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng) cho anh Nguyễn H Q.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền phải thi hành thì phải chịu lãi chậm trả theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ Luật Dân sự năm 2015. (Trường hợp các bên thỏa thuận được lãi chậm trả thì mức thỏa

thuận không quá 20%/1 năm, trường hợp các bên không thỏa thuận thì xác định lãi chậm trả là 10%/1 năm).

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 292 Bộ Luật hình sự năm 2015. Tách phần yêu cầu dân sự của anh Nguyễn Đình V để giải quyết bằng một vụ án khác theo thủ tục tố tụng dân sự nếu anh Vu khởi kiện. Anh Nguyễn Đình V có quyền khởi kiện để Tòa án xem xét giải quyết.

* Áp dụng: Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo P và N mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo P và bị cáo N phải liên đới nộp 1.100.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Ngày 09/7/2020, bị cáo Nguyễn Thị Ngọc N làm đơn kháng cáo thừa nhận Hnh vi phạm tội và xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận phát biểu ý kiến về vụ án:

+ Về thủ tục tố tụng: Bị cáo kháng cáo thừa nhận hành vi phạm tội và xin hưởng án treo, Tòa án đã triệu tập bị cáo 3 lần nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị hội đồng xét xử vắng mặt bị cáo

+ Về nội dung: Xét kháng cáo của bị cáo là không có căn cứ, nên đề nghị hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 điều 355, điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Ngọc N, giữ nguyên mức hình phạt của Bản án sơ thẩm số 68/2020/HS-ST ngày 01 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân TP.Phan Thiết đối với bị cáo Nguyễn Thị Ngọc N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị cáo kháng cáo đã được Tòa án triệu tập 3 lần nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự hội đồng xét xử vắng mặt bị cáo.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo, Hội đồng xử án xét thấy:

[2.1] Trong thời gian từ tháng 4/2019 đến tháng 7/2019, lợi dụng sự quen biết với các bị hại, Bùi Quang P đã chủ động gọi các bị hại tới nơi mình đang ở sau đó dùng thủ đoạn mượn tài sản để đi công việc nhưng thực tế là tự mình hoặc giao cho Nguyễn Thị Ngọc N đưa đi cầm cố lấy tiền tiêu xài, bằng thủ đoạn trên, P và N đã chiếm đoạt tài sản của: Ông Nguyễn Minh A trú tại khu phố 7, phường Lạc Đạo, TP. Phan thiết, tỉnh Bình Thuận 33.100.000 đồng; của ông Nguyễn Gia Đ trú tại khu phố 02, phường Lạc Đạo, thành phố Phan Thiết, Bình Thuận 11.000.000 đồng; của Nguyễn Tấn P 28.000.000 đồng, anh Nguyễn Huỳnh Đức T 2.000.000 đồng.

[2.2] Tổng trị giá tài sản các lần mà Bùi Quang P chiếm đoạt của những người bị hại là 74.100.000 đồng. Trong đó, bị cáo Nguyễn Thị Ngọc N tham gia cùng Bùi Quang P 03 lần chiếm đoạt tài sản của những người bị hại với tổng số tiền 41.000.000 đồng.

[2.3] Với hành vi và hậu quả nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2.4] Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc, xem xét tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi phạm tội cũng như đã xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo có được, như: Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp "Phạm tội 02 lần trở lên" là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo 02 năm tù là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2.5] Bị cáo kháng cáo xin hưởng án treo nhưng không đưa ra được tình tiết giảm nhẹ nào mới nên không có căn cứ để hội đồng xét xử chấp nhận, mà giữ nguyên mức hình phạt đối với bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tại phiên tòa phúc thẩm.

[3] Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận, nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các phần khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Ngọc N;

Giữ nguyên mức hình phạt của Bản án hình sự sơ thẩm số 68/2020/HS-ST ngày 01 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân TP.Phan Thiết đối với bị cáo Nguyễn Thị Ngọc N.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị Ngọc N phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 174, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Ngọc N 02 (hai) năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, nhưng được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 25/11/2019 đến ngày 23/12/2019.

Bị cáo Nguyễn Thị Ngọc N phải nộp 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- TA (02), VKS, CA, THA TP. Phan Thiết;
- Sở tư pháp;
- Phòng PV27 - Công an tỉnh;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: THS, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đặng Văn Cường